

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG
PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ
DÂN TỘC THIỂU SỐ
(Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

Mã số: 9310301

Chủ tịch HĐ
Thư

PGS.TS. Trịnh Văn Tùng

1. TS. Nguyễn Thị Huệ

HÀ NỘI – 2024

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. GS. TS. Nguyễn Hữu Minh
2. PGS.TS. Đặng Thị Ánh Tuyết**

Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Tuấn Anh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Thị Thục, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Phản biện 3: PGS.TS. Hoàng Thị Nga, Trường Đại học Công đoàn

**Luận án đã được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào 8 giờ 30 phút ngày 9 tháng 8 năm 2025**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia;
- Viện Thông tin khoa học Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Bộ phận Tư liệu Viện Kinh tế -Xã hội và Môi trường

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bạo lực gia đình (BLGD) là một vấn đề phổ biến ảnh hưởng đến hàng triệu cá nhân và gia đình trên thế giới và là mối quan ngại nghiêm trọng về sức khỏe cộng đồng và là sự vi phạm sâu sắc các quyền con người. Nhiều nghiên cứu chỉ ra mức độ ảnh hưởng của bạo lực với phụ nữ và trẻ em có mối tương quan chặt chẽ với sức khỏe tâm lý và thể chất, là nguyên nhân làm giảm chất lượng cuộc sống, thành tích giáo dục và năng suất kinh tế.

Tại Việt Nam, vùng dân tộc thiểu số và miền núi bị coi là vùng “lỗi nghèo” của cả nước, dân trí và điều kiện sống của người dân ở đó còn rất nhiều khó khăn. Phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số (DTTS) đang là đối tượng phải chịu nhiều thiệt thòi. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta ưu tiên và thực hiện nhiều chương trình, chính sách phòng ngừa BLGD tuy nhiên tình trạng BLGD với phụ nữ DTTS vẫn xảy ra. Hà Giang là tỉnh miền núi có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, đồng bào DTTS sinh sống chủ yếu ở các bản làng thuộc các xã đặc biệt khó khăn, hiểu biết và nhận thức về pháp luật còn thấp. Bạo lực gia đình, đặc biệt là BLGD với phụ nữ còn tồn tại khá phổ biến. Trong các năm qua, nhiều giải pháp, can thiệp được triển khai nhằm phòng ngừa BLGD ở Hà Giang. Một số hoạt động đã thành công và có tác động làm giảm bạo lực nhưng cũng có can thiệp không đạt được kết quả do áp dụng các biện pháp không phù hợp với nguồn lực, bối cảnh văn hóa - xã hội.

Vậy một câu hỏi lớn đặt ra là tại sao các nguồn lực của cộng đồng chưa được phát huy một cách hiệu quả cho việc ngăn chặn bạo lực với phụ nữ DTTS? Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên nghiên cứu sinh (NCS) chọn thực hiện nghiên cứu đề tài ***“Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)”***.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá thực trạng nhằm đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ; vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ, BLGD với phụ nữ DTTS ở Việt Nam.

- Đánh giá vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ tại địa bàn nghiên cứu.

- Tìm hiểu, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến phát huy vai trò của

cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang.

- Đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ vùng DTTS.

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS tại tỉnh Hà Giang.

3.2. Khách thể nghiên cứu: Phụ nữ, nam giới DTTS đã kết hôn, cán bộ các sở, ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về không gian: Tỉnh Hà Giang- Việt Nam.

Phạm vi về thời gian: Điều tra định tính, định lượng từ năm 2023-2024.

Phạm vi về nội dung: Xem xét BLGD của chồng đối với vợ; phân tích 04 vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS gồm: Vai trò xã hội hoá giúp phòng ngừa bạo lực gia đình; vai trò kiểm soát hành vi bạo lực đối với phụ nữ; vai trò cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực; vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế giúp hạn chế bạo lực gia đình.

4. Câu hỏi nghiên cứu: Luận án trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

1) Cộng đồng có những vai trò cụ thể như thế nào trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS?

2) Những yếu tố nào ảnh hưởng tới vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang?

3) Có những giải pháp nào phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS

5. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, những vai trò trọng yếu bao gồm (i) định hình khuôn mẫu, hành vi ứng xử của người dân với bạo lực; (ii) kiểm soát các hành vi bạo lực; (iii) triển khai các biện pháp hỗ trợ nạn nhân; (iv) cũng như tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội giúp thay đổi các yếu tố có thể làm gia tăng bạo lực do chồng gây ra với phụ nữ.

Giả thuyết 2: Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ phụ thuộc vào yếu tố làm giảm thiểu bạo lực gia đình trong đó có: 1) Sự can thiệp và hỗ trợ của chính quyền dành cho cộng đồng; 2) Cấu trúc và các nguồn lực của các chủ thể trong cộng đồng như gia đình, dòng họ; các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức tự quản của người dân; 3) Các đặc trưng văn hóa, lối sống, trình độ phát triển kinh tế- xã hội của cộng đồng dân cư.

Giả thuyết 3: Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số bao gồm: (i) giúp cộng đồng thực hiện tốt vai trò xã hội hoá nhằm chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực văn hoá để phòng ngừa bạo lực gia đình; (ii) nâng cao năng lực và trách nhiệm của cả cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội để giúp các cơ quan, tổ chức thực hiện tốt vai trò phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số; (iii) phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong cộng đồng để cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân; (vi) giúp cộng đồng phát huy vai trò phát triển kinh tế xã hội nhằm góp phần làm thay đổi, giảm thiểu các yếu tố có nguy cơ dẫn đến bạo lực đối với phụ nữ.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án được tiến hành dựa dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Lý thuyết về sự thay đổi, lý thuyết sinh thái - xã hội là chỉ dẫn lý luận để phân tích hoạt động cộng đồng phòng ngừa BLGD, từ việc chỉ ra yếu tố tác động tới triển khai các biện pháp này gắn với địa bàn nghiên cứu.

6.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

**Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp:* Dữ liệu thứ cấp từ: (1) Văn kiện, nghị quyết, chiến lược, chính sách phòng ngừa BLGD, bạo lực trên cơ sở giới; (2) Các nhận định, đánh giá của các nhà khoa học, nhà quản lý về thực trạng, định hướng, giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD; (3) Nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề để vận dụng vào địa bàn nghiên cứu.

***Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp:**

(1) *Thu thập dữ liệu bằng bảng hỏi:* Đối tượng khảo sát là phụ nữ thuộc 4 nhóm DTTS gồm: Tày, Nùng, Dao và Mông ở độ tuổi 18 – 60 tuổi, đã kết hôn, trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Cỡ mẫu: 385 người.

Địa bàn điều tra: (i) Huyện Hoàng Su Phì ở phía Tây Hà Giang, có các DTTS sinh sống, tiêu biểu là dân tộc Mông, Tày, Nùng; (ii) Huyện Vị Xuyên cách thành phố Hà Giang 20km, có 19 dân tộc cùng sinh sống.

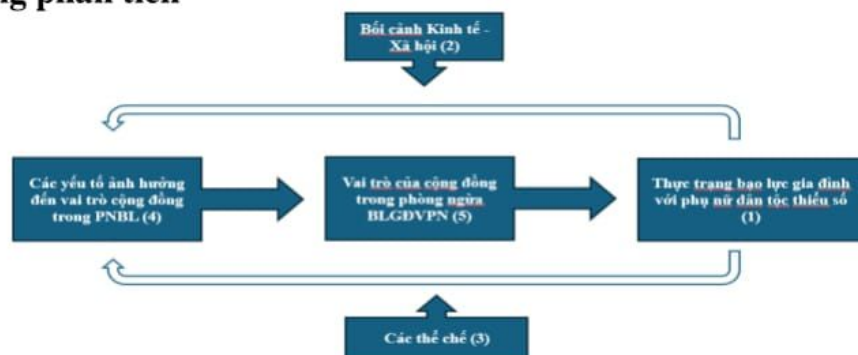
(2) *Thu thập dữ liệu qua phỏng vấn sâu:* với 2 nhóm khách thể là: (i) 10 cán bộ, công chức thực hiện phòng ngừa BLGD như: công an xã, Hội phụ nữ xã, Trưởng thôn, thành viên tổ hòa giải, địa chỉ tin cậy; (ii) 20 người là phụ nữ, nam giới DTTS đã kết hôn, sống cùng vợ/chồng.

(3) *Phương pháp tham vấn chuyên gia:* trao đổi ý kiến với 10 người: (i) có 09 cán bộ trung ương: từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Vụ Bình đẳng giới, Cục Bảo trợ xã hội, Viện Khoa học Lao động và Xã hội,

Văn phòng quốc gia giảm nghèo); Bộ Công an; Ban Dân tộc tôn giáo và Ban Chính sách-Pháp luật TW Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Ủy ban Dân tộc; 01 chuyên gia Viện nghiên cứu Gia đình và Giới; (ii) 01 đại diện của Cơ quan LHQ Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ.

* **Phương pháp phân tích dữ liệu:** Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS for Window 22.0. Phương pháp phân tích dữ liệu gồm thống kê mô tả, phân tích tương quan so sánh giữa các nhóm.

7. Khung phân tích



Khung phân tích về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số

(Diễn giải: Phân tích BLGD với phụ nữ DTTS trong bối cảnh kinh tế - xã hội, các thể chế để xác định yếu tố ảnh hưởng vai trò cộng đồng, từ đó nêu rõ vai trò cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS,...)

Chú thích:

(1) Thực trạng BLGD với phụ nữ DTTS (với 04 loại hình bạo lực: bạo lực thể xác, tinh thần, tình dục, bạo lực kinh tế).

(2) Bối cảnh kinh tế - xã hội: (i) Đặc trưng kinh tế, xã hội, môi trường; (ii) Đặc trưng của cộng đồng dân cư.

(3) Các thể chế: (i) Thể chế chính thức: chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; (ii) Thể chế phi chính thức: tập quán, văn hóa, tôn giáo.

(4) Yếu tố ảnh hưởng vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực: (i) Can thiệp, hỗ trợ cộng đồng từ chính quyền; (ii) Cấu trúc, nguồn lực của các chủ thể trong cộng đồng; (iii) Đặc trưng văn hóa, lối sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

(5) Vai trò cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS: Vai trò xã hội hóa; Vai trò kiểm soát; Vai trò hỗ trợ; Vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

8.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài “**Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)**” là luận án đầu tiên góp phần tìm hiểu, đánh giá vai trò của cộng

đồng trong phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ DTTS ở Việt Nam.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Nghiên cứu tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS; góp phần phân biện việc xây dựng, thực hiện chính sách phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS nói riêng và phòng ngừa BLGD nói chung. Kết quả luận án là nguồn tham khảo cho triển khai chính sách một cách hệ thống hơn, đó là tập trung phòng ngừa để bổ sung cho tiếp cận hiện đang nhấn mạnh vào phòng chống.

9. Cấu trúc của luận án

Luận án gồm 4 chương phản ánh các kết quả nghiên cứu:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận nghiên cứu vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS

Chương 3: Các vai trò trọng yếu và mức độ tham gia của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Chương 4: Các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS tại Hà Giang

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trên thế giới, bạo lực gia đình (BLGD) đang ảnh hưởng đến các cá nhân, gia đình và là quan ngại về sức khỏe cộng đồng, sự vi phạm các quyền con người. Nhiều nghiên cứu cho thấy với phụ nữ và trẻ em, mức độ chịu ảnh hưởng của bạo lực có mối tương quan chặt chẽ đến sức khỏe tâm lý, thể chất; là nguyên nhân suy giảm chất lượng cuộc sống, thành tích giáo dục, năng suất kinh tế. Một trong chiến lược để ngăn chặn, giảm thiểu vấn nạn này là phát huy vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình.

1.1. CỘNG ĐỒNG VÀ TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI

Trong khoa học xã hội, tiếp cận cộng đồng là phương pháp được sử dụng khá rộng rãi với các định nghĩa và tiếp cận khác nhau. Có thể hiểu cộng đồng là một xã hội thu nhỏ nơi các mối quan hệ của con người đan xen và được định hình qua các mối quan hệ tình cảm và nghĩa vụ với nhau. Các nhà xã hội học phương Tây thường sử dụng cách tiếp cận dựa trên các quan hệ xã hội mà nhà xã hội học người Đức Ferdinand Toennies nêu ở công trình “*Gemeinschaft und Gesellschaft*” (Cộng đồng và hiệp hội). Toennies xác định “cộng đồng” là một thực thể xã hội có độ gắn kết bền vững được đặc trưng bởi “sự đồng thuận về ý chí” của các thành viên.

Bên cạnh cách tiếp cận của Toennies, nhiều học giả đã phát triển loại

hình mới về cộng đồng. Điều này cho thấy các cách tiếp cận về cộng đồng trong các nghiên cứu đi trước đã cung cấp một nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD, nhất là đối với phụ nữ DTTS— nơi các hình thức cộng đồng truyền thống và hiện đại có thể cùng tồn tại và hỗ trợ cho nhau.

1.2. THỰC TRẠNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ, BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ QUA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.2.1. Thực trạng bạo lực gia đình, bạo lực gia đình với phụ nữ, bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số qua các nghiên cứu

Việc đưa ra số liệu chính xác, đáng tin cậy về bạo lực với phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong cải thiện hiểu biết về sự phổ biến của bạo lực; giúp ta xác định được giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn bạo lực. Thời gian qua, Tổ chức Y tế Thế giới và các tổ chức quyền phụ nữ và trẻ em đã nỗ lực thu thập dữ liệu thống kê về BLGD, gồm có BLGD với phụ nữ. Tại Việt Nam, Điều tra quốc gia 2019 về bạo lực với phụ nữ đã mô tả bức tranh toàn diện, cung cấp số liệu về vấn đề này. Dù số liệu thống kê cho thấy một phần bức tranh về BLGD với phụ nữ nhưng các dữ liệu này chỉ là một phần nhỏ về thực trạng được báo cáo. Các vụ việc BLGD, đặc biệt bạo lực đối với phụ nữ DTTS thường khó thống kê bởi nếu chỉ dựa vào việc sử dụng dịch vụ trợ giúp hay vụ việc do cơ quan chức năng thụ lý thì con số đó không phản ánh hết quy mô, mức độ nghiêm trọng của bạo lực. Số liệu này không thể đại diện cho tỷ lệ phổ biến chung.

1.2.2. Nguyên nhân, hậu quả của bạo lực gia đình qua các nghiên cứu

Nhiều báo cáo, nghiên cứu ghi nhận bạo lực của người chồng đối với vợ, bạo lực tình dục với phụ nữ là nguyên nhân gây ra vấn đề sức khỏe tâm thần của phụ nữ (đặc biệt trầm cảm và ý định tự tử), sức khỏe tình dục và sinh sản, các chấn thương, tình trạng sức khỏe mãn tính khác. Các yếu tố rủi ro đối mặt bạo lực gồm: có trình độ học vấn thấp (do bị bạo lực tình dục và trải nghiệm); tiền sử tiếp xúc với ngược đãi trẻ em (thực hiện và trải nghiệm); chứng kiến BLGD (thực hiện và trải nghiệm); rối loạn nhân cách chống đối xã hội (thực hiện); sử dụng rượu có hại (thực hiện và trải nghiệm); hành vi nam tính có hại hoặc có thái độ dung túng bạo lực (thực hiện); quan niệm ưu tiên, gán cho nam giới địa vị cao hơn và phụ nữ địa vị thấp hơn; tiếp cận việc làm được trả lương của phụ nữ thấp; và mức độ bình đẳng giới thấp (luật phân biệt đối xử, v.v.)...

1.3 VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH QUA CÁC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Vai trò xã hội hoá cá nhân của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình

Các nghiên cứu cho thấy để phòng ngừa bạo lực với phụ nữ cần có các giải pháp để chuyển đổi các giá trị văn hóa. Trong khi các giá trị đó thường được lưu giữ và bảo tồn, chuyển giao trong cộng đồng qua các thiết chế như giáo dục, gia đình. Vì vậy cần có các nghiên cứu sâu hơn về các cơ chế, gồm cả các cộng đồng duy trì hoặc chuyển đổi các giá trị văn hóa có ảnh hưởng đến bạo lực với phụ nữ.

1.3.2. Vai trò của cộng đồng trong kiểm soát hành vi bạo lực với phụ nữ

Các nghiên cứu chỉ ra rằng các cộng đồng có nhiều biện pháp để kiểm soát hành vi bạo lực đối với phụ nữ. Tuy nhiên vai trò của cộng đồng trong kiểm soát hành vi đó có thể rất khác nhau tùy thuộc vào yếu tố bối cảnh. Theo đó cần có nghiên cứu sâu hơn về cơ chế và cách thức để các cộng đồng có thể can thiệp làm giảm bạo lực thông qua kiểm soát hành vi.

1.3.3. Vai trò của cộng đồng trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của bạo lực

Các nghiên cứu đều nhấn mạnh các dịch vụ phù hợp và các tổ chức tham gia là các thành tố quan trọng trong phòng chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên câu hỏi đặt ra là làm thế nào để triển khai một cách hiệu quả dịch vụ trợ giúp? Vài nghiên cứu cho biết các biện pháp can thiệp mà chính quyền triển khai ít đem lại hiệu quả do không huy động sự tham gia thực chất của cộng đồng.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA NGHIÊN CỨU ĐI TRƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ LUẬN ÁN HƯỚNG ĐẾN LÀM RÕ

Các nghiên cứu đi trước chỉ ra các vấn đề lý luận để xác định, phân loại và nhận diện loại hình bạo lực với phụ nữ; nêu lên đặc trưng, cách thức xác định cộng đồng. Phát hiện cho thấy thành công hay thất bại của một can thiệp phụ thuộc vào cách nó tương tác với các chiều cạnh về biểu tượng, vật chất và quan hệ của môi trường xã hội. Tuy nhiên các nghiên cứu hiện có chưa mô tả chi tiết về ảnh hưởng của cấu trúc, nguồn lực của các nhóm chủ thể trong cộng đồng đến phát huy vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ.

Kế thừa nghiên cứu đi trước luận án tìm kiếm, tổng hợp các dữ liệu về BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang; làm rõ tác động của phòng ngừa BLGD đang được cộng đồng triển khai; cho đến quan điểm, lựa chọn hành động của người dân đối với bạo lực. Nghiên cứu cố gắng nêu bật quá trình và cách thức mà tổ chức trong cộng đồng tham gia, triển khai phòng ngừa bạo lực với phụ nữ trong các bối cảnh xã hội khác nhau.

Tiểu kết chương 1

Ngày càng có nhiều tài liệu chứng minh tác động tiêu cực của bạo lực tới sức khỏe thể chất và tinh thần của nạn nhân và các hậu quả khác đối với gia đình, cộng đồng. Tuy nhiên việc xây dựng can thiệp phòng ngừa BLGD hiệu quả với phụ nữ và trẻ em lại đòi hỏi sự hiểu biết nhiều hơn về môi trường chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa và hợp tác liên ngành giữa các bên. Hiểu được các đặc trưng của cộng đồng, khả năng cộng đồng có thể huy động nguồn lực sẵn có để phòng ngừa bạo lực là điều quan trọng để điều chỉnh chính sách phù hợp. Đáng tiếc tại Việt Nam dù đã có các chương trình phát huy vai trò cộng đồng như: tuyên truyền, cung cấp dịch vụ hỗ trợ... nhưng thường được triển khai đơn hướng từ trên xuống thay vì phương pháp có sự tham gia, dựa vào cộng đồng. Do vậy, cần có thêm nghiên cứu để đánh giá chi tiết về các bối cảnh bạo lực với phụ nữ để tìm ra giải pháp phát huy vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ DTTS.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. KHÁI NIỆM VỀ BẠO LỰC VỚI PHỤ NỮ, PHÒNG NGỪA BLGD VỚI PHỤ NỮ DTTS

2.1.1. Khái niệm BLGD với phụ nữ

Luận án sử dụng định nghĩa BLGD nêu tại Luật phòng, chống bạo lực gia đình, đó là “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”. Do chỉ tập trung nghiên cứu về bạo lực do chồng gây ra với người vợ nên định nghĩa trong Luận án (được dùng ngắn gọn là bạo lực gia đình đối với phụ nữ): là “*Hành vi cố ý của chồng gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với vợ*”. Bạo lực được biểu hiện ở các hành vi khác nhau, để phù hợp với bối cảnh Việt Nam, luận án dựa vào Điều 3 của Luật Phòng, chống BLGD để xác định và mô tả các hành vi bạo lực, mức độ xảy ra 16 hành vi bạo lực trong Luật.

2.1.2. Phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ

Khái niệm về “*Phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ*” trong Luận án, là tập hợp các hành động ngăn cản, ngăn chặn và chấm dứt BLGD với phụ nữ qua giải quyết nguyên nhân gốc rễ, gồm bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử có hệ thống và mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình. Phòng ngừa BLGD với phụ nữ đòi hỏi sự tham gia của tất cả cá nhân, gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội

và chính quyền các cấp. Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện với sự tham gia của nhiều nhóm chủ thể đề: 1) Giải quyết nguyên nhân gốc rễ-là bất bình đẳng/mất cân bằng quyền lực giữa nam giới và phụ nữ; và 2) Giảm thiểu các yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố bảo vệ đối với người gây bạo lực và trở thành nạn nhân ở cấp độ cá nhân, mối quan hệ, cộng đồng và xã hội; 3) Hỗ trợ nạn nhân bạo lực tái hòa nhập và có thể vượt qua những cú sốc để phát triển.

2.1.3. Khái niệm về dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số

*** Khái niệm dân tộc thiểu số**

Dân tộc thiểu số (DTTS) là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được quy định tại Nghị định số 05/NĐ-2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

*** Vùng DTTS**

Cũng theo Nghị định 05, khái niệm “Vùng DTTS” là “địa bàn có đông các DTTS cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Địa bàn có “đông” các DTTS là các xã, thôn có tỷ lệ hộ DTTS 15% trở lên (Khoản 1, 2 của Điều 2 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025).

2.2. CỘNG ĐỒNG VÀ VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BLDG VỚI PHỤ NỮ

2.2.1 Khái niệm và cách thức phân loại cộng đồng

Hiện có nhiều định nghĩa và cách tiếp cận khác nhau về cộng đồng. Cộng đồng có thể được hiểu là hệ thống xã hội được xác định trong không gian, thời gian với cấu trúc xã hội gồm các thành viên có vị thế, vai trò và trách nhiệm với nhau có đặc trưng riêng được xác định qua bản sắc tập thể. Định nghĩa về cộng đồng trong Luận án là *“một tập hợp những mối quan hệ xã hội được thiết lập một cách đặc thù dựa trên những cái mà thành viên cùng có chung- thường là một cảm quan chung về bản sắc”*. Theo đó các yếu tố tạo thành cộng đồng gồm: địa vực cư trú, kinh tế, văn hoá, luật pháp, tôn giáo.

Phân loại cộng đồng

Luận án sử dụng cách tiếp cận phân loại cộng đồng đang phổ biến với ba nhóm gồm: (i) *Cộng đồng địa lý (Geographic Communities)*, hay là cộng đồng địa vực (location): những người sống gần gũi với nhau theo phạm vi lãnh thổ và xác định qua mối quan hệ láng giềng, xóm, phố, làng xã, thành phố, vùng, quốc gia. (ii) *Cộng đồng văn hóa (Communities of Culture)*: những nhóm người chia sẻ với nhau các đặc trưng văn hóa do có chung

nguồn gốc sắc tộc, ngôn ngữ, y phục và sự tương đồng về phong tục, tập quán. (iii) *Cộng đồng tổ chức (Community of Organizations)*: gồm gia đình, dòng họ, các mạng lưới, cho tới các cơ quan chính quyền gồm cả hệ thống hoạch định chính sách, các tập đoàn kinh tế, hiệp hội nghề nghiệp quy mô nhỏ, dân tộc hay quốc tế. Theo đó, luận án sẽ phân tích vai trò gia đình, người thân và vai trò của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác tham gia vào triển khai chương trình chính sách phòng ngừa BLGD với phụ nữ.

2.2.2. Vai trò của cộng đồng phòng ngừa BLGD với phụ nữ

Khái niệm “vai trò” thường được dùng để chỉ: “những kỳ vọng xã hội gắn với những vị thế hay vị trí nhất định trong xã hội và nó phân tích sự vận hành của những kỳ vọng ấy”. Do đó, luận án sử dụng khái niệm vai trò để chỉ tập hợp các chức năng, nhiệm vụ và mức độ tham gia của các nhóm chủ thể, thiết chế trong cộng đồng gồm: gia đình, hàng xóm, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức của người dân trong cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ và những đóng góp từ việc triển khai các biện pháp này với việc làm tăng hay giảm, củng cố hay hạn chế các yếu tố tác động đến BLGD với phụ nữ DTTS.

Bốn vai trò chính của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực là:

1) **Vai trò xã hội hóa**: nhấn mạnh vai trò cộng đồng trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực; nhận diện qua quá trình chuyển giao các giá trị, chuẩn mực văn hóa, tập quán, lối sống của cộng đồng. Tập quán văn hóa tạo ra khuôn mẫu ứng xử, định hình nhận thức, thái độ và hành vi của người dân về bạo lực đối với phụ nữ. Để làm thay đổi các khuôn mẫu chuẩn mực văn hóa, các chủ thể trong cộng đồng có thể triển khai các can thiệp như tuyên truyền, giáo dục...

2) **Vai trò kiểm soát xã hội**. Các cộng đồng luôn thiết lập các luật lệ để kiểm soát hành vi của các thành viên. Qua thi hành luật lệ giúp các thành viên phân biệt hành động được phép và không được phép. Cộng đồng áp dụng các biện pháp như lên án, trừng phạt để kiểm soát hành vi của thành viên. Để nhận diện vai trò này tác giả phân tích phản ứng của người dân với hành vi bạo lực, nạn nhân bị bạo lực; phân tích các biện pháp mà cộng đồng thực hiện để lên án, trừng phạt người gây ra bạo lực hay phản ứng của họ với nạn nhân.

3) **Vai trò của cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực**. Để làm rõ vai trò này của cộng đồng, tác giả tập trung phân tích mức độ phổ biến, và khả năng dễ tiếp cận của các dịch vụ hỗ trợ, trợ giúp do các cơ quan, tổ chức và người dân trong cộng đồng cung cấp

4) Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực phụ nữ và nam giới để giảm thiểu yếu tố làm gia tăng bạo lực. Để làm rõ vai trò cộng đồng trong tạo môi trường giảm nguy cơ bạo lực, tác giả phân tích vai trò của các chủ thể trong cộng đồng như tổ chức chính trị - xã hội, thiết chế gia đình, dòng họ trong thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2.3. LÝ THUYẾT ÁP DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BLGD VỚI PHỤ NỮ DTTS

2.3.1. Lý thuyết về sự thay đổi

Lý thuyết nhấn mạnh các can thiệp dựa vào cộng đồng và sự thay đổi chuẩn mực xã hội là động lực chính giúp giảm mức độ BLGD. Theo đó, đánh giá các can thiệp của cộng đồng và so sánh với kết quả nhằm tìm ra những thay đổi dưới tác động của quá trình triển khai biện pháp can thiệp.

Áp dụng quan điểm của lý thuyết, luận án sẽ kiểm tra đánh giá tác động, hiệu quả của chương trình, chính sách hay biện pháp về phòng ngừa bạo lực với phụ nữ DTTS mà cộng đồng đang triển khai và đề xuất can thiệp mới. Sử dụng lý thuyết cũng để liên kết các hoạt động khác của chương trình chính sách hay biện pháp can thiệp với các kết quả mong muốn. Đồng thời, giúp xác định giải pháp để giải quyết nguyên nhân đang cản trở tiến độ và định hướng của các quyết định cho cách tiếp cận nào nên được thực hiện; xem xét các lợi thế so sánh, tính hiệu quả, tính khả thi và sự không chắc chắn của biện pháp can thiệp; sẽ xác định các giả định, rủi ro tiềm ẩn để hiểu, xem xét cả quá trình để đảm bảo phương pháp tiếp cận góp tạo ra sự thay đổi mong muốn.

2.3.2. Lý thuyết sinh thái - xã hội

Áp dụng lý thuyết sinh thái xã hội, đề tài hướng đến đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân, các mối quan hệ, yếu tố cộng đồng đến bạo lực. Luận án sử dụng lý thuyết để thiết kế các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Theo đó cố gắng đề xuất các giải pháp theo cách tiếp cận phòng ngừa, hướng đến triển khai đồng bộ và toàn diện các nhóm giải pháp ở mọi cấp độ của mô hình sinh thái gồm: tạo ra môi trường pháp lý hỗ trợ quyền phụ nữ; nền văn hóa cộng đồng thúc đẩy việc lên án bạo lực; giải pháp hỗ trợ cải thiện các mối quan hệ giữa các thành viên gia đình trên nguyên tắc công bằng, bình đẳng; các cá nhân có quan điểm tiên bộ nói không với bạo lực, không cổ xúy bạo lực, biết cách ngăn chặn bạo lực xảy ra.

2.4 QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH

2.4.1 Cam kết quốc tế phòng ngừa BLGD mà Việt Nam tham gia

Tham gia các cam kết quốc tế về bảo vệ quyền con người là một trong

những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Quốc tế đánh giá Việt Nam thuộc nhóm quốc gia đi đầu trong xây dựng chính sách luật pháp về bình đẳng giới, chấm dứt bạo lực với phụ nữ. Việt Nam đã ký kết và tham gia các cam kết quốc tế có liên quan như: Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Công ước CEDAW), Cương lĩnh hành động Bắc Kinh vì sự tiến bộ phụ nữ...

2.4.2 Chủ trương, quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa BLGD

*** Chủ trương, quan điểm của Đảng về phòng ngừa BLGD**

Gia đình là tổ ấm, môi trường đầu tiên để hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, giáo dục đạo đức, lối sống văn minh và trao truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp. Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “muốn xây dựng xã hội tốt phải chăm lo xây dựng gia đình tốt”, đến nay Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác xây dựng đời sống gia đình Việt Nam, tiêu biểu như Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

*** Chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa BLGD**

Việt Nam đang nỗ lực đấu tranh với bạo lực trên cơ sở giới, nhất là bạo lực gia đình, buôn bán người, xâm hại tình dục và hiếp dâm. Việc ban hành một số luật quan trọng, trong đó có Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống BLGD, Luật Phòng, chống mua bán người, đã chứng minh hành động mạnh mẽ trong việc hoàn thiện khung luật pháp thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới. Ngoài ra, các văn bản dưới luật như Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, phòng chống mua bán người, bảo vệ trẻ em và giáo dục, phòng chống BLGD cũng giúp thúc đẩy các hành động nhằm ngăn ngừa và kiểm soát bạo lực trên cơ sở giới.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Luận án làm rõ khái niệm, các dạng thức và 16 loại hành vi BLGD với phụ nữ. Tác giả phân tích khái niệm cộng đồng, vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ. Để có cơ sở lý luận định hướng cho việc thu thập, xử lý số liệu và viết báo cáo, luận án phân tích quan điểm của hai lý thuyết gồm: 1) Lý thuyết về sự thay đổi; 2) Lý thuyết sinh thái - xã hội. Đồng thời, giới thiệu khung luật pháp chính sách của Việt Nam trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ, là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ.

CHƯƠNG 3

CÁC VAI TRÒ TRỌNG YẾU VÀ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

3.1 KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Hà Giang có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và 01 thành phố trực thuộc, 193 xã, phường, thị trấn, 2.071 thôn, bản; có 7 huyện nghèo và 133 xã khu vực III thuộc xã đặc biệt khó khăn, 81 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I và II. Tỉnh có 19 dân tộc sinh sống, đông nhất là Dân tộc Mông chiếm 32,87%, dân tộc Tày chiếm 23,2%, dân tộc Dao chiếm 15,1%, dân tộc Kinh chiếm 13,1%, Nùng chiếm 9,93%, Giáy chiếm 2,17%, Cờ Lao, La Chí chiếm 1,68%, và tiếp đến là các dân tộc Lô Lô, Pu Páo, Bô Y, Phù Lá, Pà Thẻn, Hoa Hán chiếm 1,05%, Sán Chay, Thái, Sán Dìu, Mường, các dân tộc còn lại.

Về hai địa bàn đã điều tra khảo sát:

Xã Nậm Khòa huyện Hoàng Su Phì (kể từ ngày 1/7/2025 khi thực hiện chính quyền hai cấp là xã Hồ Thầu, tỉnh Tuyên Quang): Ở phía nam của huyện Hoàng Su Phì, phía bắc giáp với xã Thông Nguyên, phía nam giáp xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình, phía đông giáp xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì và xã Tiên Nguyên, Quang Bình, phía tây giáp với xã Nam sơn. Toàn xã có 9 thôn với 595 hộ và 2.988 khẩu, gồm có 07 dân tộc sinh sống (*Chủ yếu là dân tộc Dao, chiếm 60%*).

Xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên (kể từ ngày 1/7/2025 khi thực hiện chính quyền hai cấp, là xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang): Ở vùng thấp của Vị Xuyên nằm giữa thị trấn Vị Xuyên và thành phố Hà Giang, cách trung tâm huyện 10 km về phía Bắc. Đạo Đức có **1.537** hộ với **6.047** khẩu; 12 dân tộc cùng sinh sống gồm Dân tộc Tày chiếm 40,2%; dân tộc Kinh 32,7%; dân tộc Dao 13,2%; dân tộc Giáy 8,5% còn lại là dân tộc khác (*Hoa, Hán; Nùng; Mông; Cờ Lao; Pà Thẻn; La Chí; Mường; Cao Lan*). 2023 xã có 151 hộ nghèo, 559 khẩu, đạt tỷ lệ 11%; hộ cận nghèo là 8,4%; hộ không nghèo 80.55%.

3.2 BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DTTS Ở HÀ GIANG

Số liệu nghiên cứu của luận án năm 2024 cho thấy bạo lực gia đình, đặc biệt là BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang còn tồn tại và đã phát hiện ra một số điểm lưu ý về thực trạng BLGD với phụ nữ DTTS như sau:

Thứ nhất, Trong tổng số 385 phụ nữ DTTS tham gia trả lời phiếu hỏi có 17,6 % chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng qua. Con số này nếu tính kể từ khi kết hôn là 24,4%. Cũng theo nghiên cứu, có 18,7% phụ nữ DTTS cho biết họ đã phải chịu nhiều hình thức bạo lực đàn

xen kể từ khi kết hôn và con số này trong vòng 12 tháng qua là 13,7%.

Thứ hai, Nếu nhìn vào mức độ thường xuyên xảy ra bạo lực, kết quả khảo sát cho thấy số phụ nữ thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua là 8% và con số này kể từ khi kết hôn là 7,4%. 9,6% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu thỉnh thoảng bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua và con số này kể từ khi kết hôn là 15%.

Dù số liệu thống kê cho thấy một phần bức tranh về BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang nhưng dữ liệu này chỉ là một phần rất nhỏ về bạo lực do phụ nữ thường gặp khó khăn khi tiết lộ trải nghiệm bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục do chồng gây ra. Mức độ xảy ra bạo lực có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm dân tộc. Tỷ lệ và mức độ bị bạo lực của phụ nữ DTTS cũng có khác biệt theo nhóm tuổi: phụ nữ dưới 30 tuổi có tỷ lệ và mức độ thường xuyên bị bạo lực trong 12 tháng qua cao hơn số này ở nhóm phụ nữ từ 31 tuổi trở lên.

3.3. MỨC ĐỘ THỰC HIỆN VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BLGD VỚI PHỤ NỮ DTTS Ở TỈNH HÀ GIANG

3.3.1. Vai trò xã hội hóa của cộng đồng trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực

* **Vai trò xã hội hóa của gia đình:** BLGD với phụ nữ bắt nguồn từ các khuôn mẫu, định kiến giới đã hình thành và chuyển giao qua quá trình xã hội hóa diễn ra trong các gia đình. Nghiên cứu cho thấy các cộng đồng DTTS ở Hà Giang còn tồn tại một số quan điểm văn hóa bất lợi cho phòng ngừa BLGD, đặc biệt các hành vi của bạo lực tình dục. Có quan điểm cho rằng BLGD là điều không thể tránh khỏi. Một vài nam giới tham gia phỏng vấn cho biết trong mối quan hệ vợ chồng không tránh khỏi lúc mâu thuẫn xung đột do đó nam giới nóng tính có thể đánh vợ, cho là bình thường, nếu nó không nghiêm trọng thì không sao. Các trao đổi trong tham gia phỏng vấn đều thể hiện quan điểm có xu hướng dung túng cho bạo lực, coi đó là điều chấp nhận được.

* **Vai trò xã hội hóa của các tổ chức trong cộng đồng:** Tại Hà Giang, các tổ chức như Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp phụ nữ đã phối hợp với chính quyền để tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật bình đẳng giới. Công tác này bước đầu có tác động tích cực trong nâng cao nhận thức của người dân về bình đẳng giới, BLGD, quy định pháp luật phòng ngừa BLGD.

3.3.2. Vai trò cộng đồng trong kiểm soát hành vi BLGD với phụ nữ

Trong phòng ngừa BLGD, công tác tiếp nhận xử lý các hành vi bạo lực như hòa giải, xử phạt, lên án hành vi bạo lực của cộng đồng đóng vai trò quan trọng. Các cơ quan chức năng như cơ quan tư pháp có trách nhiệm lập hồ sơ; xác minh, xử lý vụ việc. Có thể thấy dịch vụ hành pháp trong xử lý bạo lực đã tương đối đảm bảo tính sẵn có và khả năng tiếp cận dịch vụ

cho nạn nhân. Điều tra cũng hé lộ rằng bên cạnh vai trò của thiết chế tư pháp thì các thành viên cộng đồng thường có phản ứng chống lại bạo lực cũng như có xu hướng nên án hành vi bạo lực. Cộng đồng hiện đã thiết lập các kênh tiếp nhận xử lý bạo lực như: tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải cộng đồng. Theo khảo sát, 100% các thôn bản ở Hà Giang đã thành lập và duy trì hoạt động của tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải để tiếp nhận xử lý vụ việc BLGD. Tuy nhiên phải thấy rằng khi thiết chế tư pháp đóng vai trò trọng yếu trong tiếp nhận và xử lý bạo lực thì vai trò của cộng đồng trong hòa giải, xử lý hành vi bạo lực dường như lại khá mờ nhạt và ít có tác động.

3.3.3. Vai trò cộng đồng trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực

**Những trợ giúp về vật chất và tinh thần của gia đình, hàng xóm, và các tổ chức trong cộng đồng*

Kết quả nghiên cứu hé lộ rằng gia đình, hàng xóm và bạn bè luôn đóng vai trò là nguồn hỗ trợ về mặt tinh thần và vật chất đối với những phụ nữ DTTS là nạn nhân của BLGD. Khi trở thành nạn nhân của bạo lực thì nơi đầu tiên phụ nữ thường tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ đó là thành viên gia đình, nhà của bạn bè hay nhà của người quen khác.

** Các dịch vụ hỗ trợ y tế, nơi tạm lánh và dịch vụ hỗ trợ tư pháp cho nạn nhân của BLGD được cộng đồng triển khai:* Hà Giang hiện duy trì 872 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, 01 Câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài, 258 cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Có 01 cơ sở trợ giúp xã hội công lập (là Trung tâm Công tác xã hội, trụ sở đặt tại thành phố Hà Giang) là nơi duy nhất thực hiện việc tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực; khá xa so với hai địa bàn khảo sát. Do đó việc phát huy vai trò của trung tâm trong phòng ngừa BL với PN còn nhiều hạn chế.

3.3.4. Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội

Nghèo đói, khó khăn về kinh tế được coi là một trong những nguyên nhân và lý do làm nảy sinh BLGD với phụ nữ. Tại hai địa bàn điều tra, khó khăn kinh tế cũng được coi là lý do dẫn đến mâu thuẫn xung đột, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi bạo lực với nhiều phụ nữ DTTS. Tại đó, cũng đã có nhiều chương trình chính sách xóa đói giảm nghèo được các tổ chức chính trị -xã hội, tổ chức trong cộng đồng tích cực triển khai. Người dân đã tham gia các hoạt động của chính quyền như cải tạo vườn tược, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế. Với sự hỗ trợ đó, các tổ chức đã thực hiện các can thiệp tăng tỷ lệ người dân tham gia lực lượng lao động thông qua triển khai chính sách việc làm, sinh kế và đào tạo nghề, tài chính vi mô hoặc tiết kiệm, chính sách phát triển hạ tầng, chuyển đổi mô hình kinh giúp các hộ gia đình cải thiện điều kiện kinh tế. Những cải thiện kinh tế này đã góp phần làm thay đổi các chuẩn mực văn hóa cô xúy bạo lực với phụ nữ và làm giảm căng thẳng kinh tế vì vậy nó có tác động tích cực đến việc

giảm tình trạng bạo lực với phụ nữ DTTS.

3.4. VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BLGD VỚI PHỤ NỮ

3.4.1. Các thiết chế truyền thống trong cộng đồng hiện đóng vai trò khá mờ nhạt trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS

Nghiên cứu cho thấy cùng với sự phát triển của các thiết chế chính trị, sự hoàn thiện của các cơ quan chính quyền thì các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản chỉ đóng vai trò như kênh hỗ trợ bổ sung cùng tham gia can thiệp phòng ngừa BLGD. Các thiết chế truyền thống này đóng vai trò khá mờ nhạt trong tiếp nhận, xử lý bạo lực hay ngăn chặn bạo lực tái diễn. Gia đình, dòng họ, các tổ chức trong cộng đồng thường khuyên nhủ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực nhưng thiếu quan tâm đến việc lên án, xử lý hành vi của thủ phạm gây ra bạo lực. Trong một số trường hợp, gia đình và cộng đồng còn thể hiện dung túng cho bạo lực vì coi đó là điều bình thường có thể chấp nhận được.

3.4.2. Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực sẽ không phát huy hiệu quả nếu thiếu sự hỗ trợ của các cơ quan nhà nước

Chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong nâng cao nhận thức, giáo dục cộng đồng về BLGD. Cơ quan này có trách nhiệm tổ chức, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông thúc đẩy hiểu biết về BLGD; có vai trò trọng yếu trong cung cấp dịch vụ y tế, pháp lý và dịch vụ xã hội như nơi trú ẩn an toàn cho nạn nhân. Chính quyền địa phương còn có trách nhiệm phân bổ kinh phí và xây dựng, thực thi chương trình phòng ngừa BLGD. Họ cũng đảm nhiệm việc triển khai chương trình chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Các tổ chức trong cộng đồng như đoàn thanh niên, hội Liên hiệp phụ nữ, hội Nông dân, các tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải đều có mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương. Ở Việt Nam, các tổ chức cộng đồng là cánh tay nối dài của chính quyền trong triển khai luật pháp. Vì thế vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD sẽ khó được phát huy một cách hiệu quả nếu thiếu sự hỗ trợ của chính quyền.

3.4.3. Các biện pháp phát huy vai trò của cộng đồng do nhà nước triển khai chưa đạt được hiệu quả như mong muốn

** Tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa BLGD chưa được thực hiện tốt*

Như đã phân tích những năm qua chính quyền đã phối hợp với các tổ chức trong cộng đồng để tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về bình đẳng giới và phòng ngừa BLGD với các hoạt động và hình thức đa dạng, phong phú. Tuy nhiên hoạt động này chưa hiệu quả để thực sự có tác động làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của cán bộ, người dân. Nội dung tuyên truyền chỉ nêu văn bản chính sách pháp luật, chưa chú trọng nâng cao nhận thức và kỹ năng để người dân có thể tự

phòng ngừa bạo lực.

*** Hạn chế về phát huy vai trò cộng đồng trong phát triển kinh tế- xã hội**

Các tổ chức trong cộng đồng chưa thực hiện tốt vai trò của mình trong phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững. Công tác xóa đói giảm nghèo đã được nhà nước và các tổ chức tích cực triển khai, tuy nhiên kết quả và thành tựu chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, tình trạng tái nghèo còn diễn ra khá phổ biến.

*** Công tác phát huy vai trò của cộng đồng trong ngăn ngừa xử lý, trợ giúp nạn nhân chưa được thực hiện tốt**

Việc giúp đỡ và trợ giúp gia đình, nạn nhân bị bạo lực luôn được coi là biện pháp ưu tiên. Đã có các mô hình trợ giúp do chính quyền triển khai trong cộng đồng nhưng nhiều dịch vụ mang tính hình thức, chất lượng phục vụ không cao, không khả thi, ví dụ như nhà tạm lánh/địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Phần lớn người dân tại địa bàn điều tra có ít có thông tin và hiểu biết về các địa chỉ này. Sở dĩ các địa chỉ đó khó tiếp cận một phần do thông tin hạn chế một phần do nó là can thiệp được đưa từ bên ngoài vào, vì vậy mà không thu hút được sự tham gia của người dân trong cộng đồng.

3.4.4. Các hoạt động, dịch vụ được tổ chức cộng đồng triển khai chỉ chú trọng phòng chống, xử lý vấn đề khi bạo lực xảy ra, thiếu can thiệp trợ giúp nạn nhân hòa nhập hoặc ngăn chặn sự tái diễn của bạo lực.

Các hoạt động cộng đồng ở Hà Giang, đặc biệt tại hai địa bàn khảo sát, các hoạt động phòng ngừa thường tập trung tuyên truyền làm thay đổi các quan điểm chuẩn mực và thực hành văn hóa cũng như triển khai các biện pháp phát triển kinh tế- xã hội để giải quyết các nguyên nhân/yếu tố làm gia tăng tình trạng bạo lực do yếu tố kinh tế gây ra. Một số biện pháp xử lý và hỗ trợ nạn nhân bước đầu được triển khai nhưng mức độ phổ biến rộng rãi hay tính dễ tiếp cận còn hạn chế. Các tổ chức trong cộng đồng chưa phát huy tốt vai trò của mình trong phòng ngừa để giải quyết nguyên nhân sâu xa, gốc rễ dẫn đến bạo lực.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 cho thấy cộng đồng có một số vai trò quan trọng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ ở Hà Giang. Dù vẫn còn một số yếu tố gia đình cản trở việc phụ nữ lên tiếng khi là nạn nhân, do đó nó thúc đẩy nguy cơ bạo lực hay bạo lực kéo dài. Tuy nhiên, sự trợ giúp và thái độ của các thành viên gia đình lại là yếu tố có tác động tích cực với phòng ngừa bạo lực. Hình thức cư trú có mối tương quan và có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ và mức độ BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò khá mờ nhạt của các thiết chế truyền thống trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Các thiết chế khó phát huy vai trò nếu thiếu sự hỗ trợ của chính quyền. Trong khi đó việc phát huy vai trò cộng đồng do

chính quyền triển khai vẫn còn hạn chế.

Chương 4

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG, GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HÀ GIANG

4.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BLGD VỚI PHỤ NỮ DTTS TẠI HÀ GIANG

4.1.1. Mức độ hoàn thiện của cơ chế, chính sách phòng ngừa BLGD

Luật pháp, chính sách đóng vai trò quan trọng trong định hình thái độ hành vi về bạo lực của người dân và là cơ sở để các tổ chức trong cộng đồng triển khai giải pháp phòng ngừa BLGD với phụ nữ. Dù Việt Nam có hệ thống chính sách pháp luật khá toàn diện, nhưng công tác thực thi luật pháp còn gặp khó khăn như: yếu kém trong phối hợp liên ngành; chưa hiệu quả trong kiểm tra, giám sát bạo lực đối với phụ nữ. Những hạn chế đó có một phần xuất phát từ các bất cập trong quy định của chính sách pháp luật

**Hạn chế của luật pháp, chính sách về xử lý BLGD và triển khai các dịch vụ xã hội thiết yếu trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ*

Một số văn bản của địa phương chưa được lồng ghép giới triệt để, vẫn trung tính về giới; kiến thức và hiểu biết về bình đẳng giới của cán bộ làm công tác hoạch định, thực thi chính sách còn hạn chế; chưa đủ nguồn lực con người, và ngân sách cho công tác bình đẳng giới. Chưa có quy chuẩn cho các cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ như điều kiện tối thiểu về nhà tạm lánh; tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên các cơ sở trợ giúp ... Chưa có quy định chính thức về cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, giải trình về bạo lực trên cơ sở giới. Thiếu cơ chế để thông tin và liên kết các bên cùng cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Các dịch vụ đều do nhà nước cung cấp, còn mang tính hành chính-thứ bậc, chưa mang tính dịch vụ, có thể gây ra sự không thoải mái cho nạn nhân khi tiếp cận dịch vụ.

**Bất cập của chính sách làm cho việc phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế- xã hội còn gặp nhiều khó khăn*

Một trong biện pháp phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS là phát huy vai trò cộng đồng trong phát triển kinh tế -xã hội. Tuy nhiên như phân tích thì các chủ thể tại cộng đồng chưa thực hiện tốt vai trò trong triển khai chính sách xóa đói giảm nghèo cũng do hạn chế của chính sách hiện có.

4.1.2. Thiếu sự tham gia tích cực chủ động của cộng đồng trong triển khai luật pháp, chính sách phòng ngừa BLGD

Phòng ngừa BLGD với phụ nữ đòi hỏi phải triển khai nhiều biện pháp can thiệp với sự tham gia của các chủ thể gồm cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội và các cộng đồng chia sẻ quan điểm chung ... Tuy nhiên với mô hình hiện nay, các chương trình, dự án nhà

nước thường được triển khai theo hướng đi từ trên xuống với cơ chế mệnh lệnh hành chính. Theo đó, không huy động sự tham gia của người dân trong triển khai thực hiện; thiếu sự gắn kết của chương trình với cộng đồng. Các chương trình dự án còn được triển khai qua các tổ chức chính trị xã hội. Tuy nhiên, phát hiện cho thấy nhiều người dân, đặc biệt giới trẻ lại ít tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội.

4.1.3. Hạn chế về nguồn lực khiến cho sự hỗ trợ của chính quyền với cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ chưa hiệu quả

Nếu thiếu hỗ trợ của chính quyền thì tổ chức trong cộng đồng dường như khó phát huy vai trò trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của cộng đồng chính là khả năng triển khai luật pháp, chính sách của các cơ quan công quyền. Mà hiệu quả của triển khai luật pháp chính sách lại phụ thuộc vào nguồn lực mà cơ quan này có.

4.1.4. Hạn chế về nguồn lực của các tổ chức trong cộng đồng

Các thôn, bản đều có tổ truyền thông cộng đồng, tổ an ninh trật tự và tổ hòa giải, nhưng thành viên phải kiêm nhiệm nhiều việc. Do đó, năng lực thực hiện hoạt động chuyên biệt là rất khó khăn. Tổ hòa giải, đội phản ứng nhanh phòng chống BLGD hoạt động mà chưa được tập huấn về yêu cầu tối thiểu khi cung cấp dịch vụ hoặc kỹ năng hòa giải có trách nhiệm giới... Điều này làm hạn chế việc áp dụng nguyên tắc cung cấp dịch vụ hỗ trợ thiết yếu khi giải quyết các loại hình bạo lực khác nhau, nhất là đối với những vụ việc liên quan đến bạo lực tình dục. Hiện tại, các mô hình như “địa chỉ tin cậy” hay “nhà tạm lánh an toàn” do người có uy tín trong thôn, bản quản lý và nạn nhân BLGD được người có uy tín hỗ trợ và tư vấn. Nhà tạm lánh được đặt tại thôn. Tuy nhiên, điều kiện của những cơ sở này vẫn còn rất nghèo nàn.

4.1.5. Rào cản liên quan đến yếu tố tâm lý, văn hóa, tập quán và đặc trưng cư trú của người dân trong cộng đồng

Cộng đồng các DTTS ở Hà Giang như người Tày, Nùng, Giao, Mông là các cộng đồng theo *chế độ phụ hệ*. Phụ nữ chịu phải chăm sóc các thành viên gia đình và đảm nhiệm công việc nội trợ. Ở cộng đồng vẫn tồn tại định kiến giới về phân công công việc gia đình; coi nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm là nghĩa vụ của phụ nữ. Cùng với phát triển kinh tế xã hội, tập quán văn hoá của các DTTS đã có thay đổi tích cực hơn. Đó là tập quán văn hoá cổ xúy bạo lực đã dần mất đi hoặc phai nhạt; đa số người tham gia khảo sát đều thể hiện quan điểm tích cực về phòng ngừa bạo lực. Tuy nhiên điều tra vẫn cho thấy còn một tỷ lệ đáng kể người dân có quan điểm dung túng cho bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục. Phụ nữ bị đổ lỗi là phải chịu bạo lực nếu bị coi đi chệch vai trò và chuẩn mực giới được xã hội quy định.

4.2 GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ HÀ GIANG

4.2.1 Phát huy tốt vai trò cộng đồng trong thực hiện vai trò xã hội hóa nhằm chuyển đổi thái độ, niềm tin, chuẩn mực văn hóa qua truyền thông, giáo dục và thiết lập kênh đối thoại cộng đồng

Bạo lực thường gắn với quan điểm văn hóa, tập quán, lối sống, phong tục tập quán có hại, cổ xúy bạo lực ở trong gia đình, cộng đồng. Để phòng ngừa bạo lực, can thiệp dựa vào cộng đồng cần được điều chỉnh phù hợp.

Mục tiêu chính của nhóm giải pháp này là:

- * Thay đổi chuẩn mực, thái độ, niềm tin của cộng đồng (gồm chính quyền, tổ chức xã hội, thôn bản, cộng đồng dân cư...) nhằm thay đổi hành vi với bạo lực;

- * Cung cấp hiểu biết về pháp luật phòng ngừa bạo lực gia đình;

- * Cung cấp kiến thức, kỹ năng về quy trình, cách thức mà nạn nhân có thể tìm kiếm sự giúp đỡ; Cung cấp cho cộng đồng thông tin về địa điểm, dịch vụ trợ giúp nơi gần nhất; báo cho họ về cách thức liên lạc với tổ chức cung cấp dịch vụ;

- * Củng cố thái độ và niềm tin vào tính đúng đắn và khả thi của biện pháp phòng ngừa của cộng đồng để thúc đẩy việc trình báo và việc sử dụng dịch vụ hỗ trợ hay thúc đẩy cộng đồng cùng phòng ngừa bạo lực.

Nguyên tắc triển khai các giải pháp:

Thay đổi chuẩn mực, thái độ và niềm tin để chuyển đổi hành vi của cộng đồng là cả quá trình chứ không phải là sự kiện đơn lẻ. Theo đó, các giải pháp cần được thực hiện dựa trên các nguyên tắc cơ bản như: phải phù hợp với đặc trưng của cộng đồng, phù hợp với sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo quan điểm, ý kiến của cộng đồng được xem xét.

Các giải pháp chính cần được triển khai:

Thứ nhất, Triển khai các chiến dịch truyền thông về phòng ngừa, ứng phó với BLGD với hình thức phong phú phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Thứ hai, Thiết kế các chương trình giáo dục có lồng ghép giới, bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực ở bậc phổ thông để phá vỡ sự im lặng xung quanh BLGD với phụ nữ và thúc đẩy văn hoá/hành động khoan dung để hạn chế bạo lực.

Thứ ba, Hỗ trợ sáng kiến, kỹ năng và kiến thức để người dân tự tạo kênh truyền thông/đối thoại cởi mở trong cộng đồng nhằm hướng đến phòng ngừa bạo lực gia đình.

Thứ tư, Đầu tư nhân lực, vật lực cho việc tuyên truyền, đào tạo và đối thoại cộng đồng và phải được thực hiện liên tục, kéo dài.

Thứ năm, Tạo cơ chế phối hợp để các thiết chế, tổ chức cộng đồng thực hiện vai trò xã hội hóa. Chương trình bắt đầu, kết thúc bằng nâng cao

nhận thức, đưa thông điệp vào cộng đồng hoặc đến từng cá nhân là không đủ để thay đổi hành vi mà phải giúp họ cùng trải qua quá trình thay đổi.

Thứ sáu, Phát huy vai trò xã hội hóa của gia đình trong chuyển đổi nhận thức, thái độ và hành vi của từng cá nhân với bạo lực.

4.2.2. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội giúp các cơ quan, tổ chức này thực hiện tốt vai trò phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ

Để tạo ra sự thay đổi lâu dài và bền vững, các biện pháp phòng ngừa cần áp dụng chủ động thay vì bị động. Do đó, việc cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực hoặc thúc đẩy chấm dứt bạo lực là chưa đủ nếu không thách thức cộng đồng xem xét các giả định duy trì tình trạng này.

Mục tiêu của nhóm giải pháp

Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Hà Giang trong triển khai chương trình, chính sách phòng ngừa bạo lực giới, BLGD với phụ nữ. Hỗ trợ các cơ quan này thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án quốc gia về phòng ngừa bạo lực giới, bạo lực gia đình.

Các biện pháp cần triển khai

Thứ nhất, Nâng cao năng lực cho cán bộ nhà nước, các cơ quan/tổ chức; các thành viên viên của các tổ chức trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ; thực hiện phòng ngừa, ứng phó với BLGD với phụ nữ.

Thứ hai, Xây dựng và ban hành hướng dẫn, tiêu chí về phòng ngừa BLGD để áp dụng, triển khai và phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, Xây dựng bộ công cụ thu thập số liệu và thiết lập cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới.

Thứ tư, Điều phối sự tham gia và huy động các thiết chế trong cộng đồng và chính quyền trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới qua trách nhiệm giải trình trong xử lý người gây bạo lực và cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

Thứ năm, Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan ban ngành trong triển khai các hoạt động phòng ngừa bạo lực gia đình.

Thứ sáu, Xây dựng kênh hỗ trợ/giúp đỡ người dân dễ dàng trình báo vụ việc cho các cơ quan quản lý nhà nước.

4.2.3. Phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân một cách phù hợp và hiệu quả

Mục tiêu của nhóm giải pháp là:

Triển khai biện pháp hỗ trợ phù hợp với nguồn lực và đặc trưng văn hóa của cộng đồng, dễ tiếp cận với người dân đặc biệt là phụ nữ DTTS. Phát triển dịch vụ hỗ trợ toàn diện, gồm chương trình, chính sách để đảm bảo các lợi ích cả ngắn hạn và dài hạn để giải quyết các yếu tố gây ra bạo lực.

Nâng cao hiệu quả các can thiệp, dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, y tế và xã

hội. Cung cấp dịch vụ chăm sóc nạn nhân, tư vấn cho người gây bạo lực tại cơ sở cung cấp dịch vụ; dịch vụ chăm sóc, tư vấn cho nạn nhân tại cơ sở y tế. Kết nối cộng đồng với dịch vụ qua phổ biến thông tin, tạo môi trường văn hoá cởi mở để người dân chấp nhận với dịch vụ đang được cung cấp.

Nguyên tắc trong triển khai các dịch vụ hỗ trợ

*Luôn đặt người dân, đặc biệt nạn nhân là trung tâm để triển khai dịch vụ. Dịch vụ nên tiếp cận từ dưới lên để phát huy sáng kiến, nguồn lực cộng đồng.

*Dịch vụ phải thân thiện và dễ tiếp cận với mọi người, phải tính đến yếu tố địa lý, đặc trưng văn hóa lối sống của cộng đồng, các yếu tố liên quan đến các nhóm xã hội theo tuổi, dân tộc, tôn giáo và vùng miền. Trong thiết kế và triển khai dịch vụ, luôn quán triệt phải tôn trọng các tập tục văn hóa, tâm linh và truyền thống tốt đẹp của người dân địa phương.

* Minh bạch trong hoạt động và gắn trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan, tổ chức triển khai cung cấp dịch vụ.

*Tham khảo ý kiến cộng đồng về dịch vụ hỗ trợ. Đảm bảo can thiệp phải mang lại kết quả bền vững. Để đạt được cần có sự tham gia của người dân trong các chu trình từ lựa chọn, thiết kế, triển khai dịch vụ hỗ trợ.

*Việc triển khai các dịch vụ cần đủ thời lượng, cường độ để các giải pháp có thể phát huy tác động. Phòng ngừa BLGD không phải là công việc có thể thực hiện trong thời gian ngắn. Cần có đủ thời gian để thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin của người dân trong cộng đồng và cũng như để xây dựng sự hiểu biết và hợp tác giữa các tổ chức và cộng đồng trong triển khai dịch vụ.

Các biện pháp cần được triển khai thực hiện

Thứ nhất, Phổ biến và cung cấp đầy đủ thông tin về các dịch vụ hỗ trợ trong cộng đồng, cách thức tiếp cận với dịch vụ đó đến mọi người dân.

Thứ hai, Duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa, ứng phó bạo lực giới, BLGD để giảm thiểu tình trạng BLGD tại vùng DTTS.

Thứ ba, Đảm bảo phân bổ nguồn lực đầy đủ và bền vững cho các chương trình và dự án triển khai các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu.

Thứ tư, Nâng cao năng lực cho các cán bộ cung cấp dịch vụ trợ giúp

Thứ năm, Kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ hay các mô hình đang được triển khai.

Thứ sáu, Thiết lập các khuôn khổ, quy trình và cơ chế giải trình cho phép các thành viên cộng đồng đưa ra ý tưởng, phản hồi và khiếu nại về chất lượng của các dịch vụ.

Thứ bảy, Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và các cơ quan tài trợ để triển khai các dịch vụ hỗ trợ trên địa bàn.

4.2.4. Phát huy tốt vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế xã hội nhằm tác động làm thay đổi các yếu tố có nguy cơ dẫn đến bạo lực

Trong phòng ngừa bạo lực giới và BLGD thì biện pháp hữu hiệu nhất đó là xóa bỏ các nguyên nhân dẫn đến bạo lực và các nguyên nhân khiến nạn nhân không trình báo cũng như chấp nhận bạo lực.

Thứ nhất thực hiện các biện pháp can thiệp sớm qua tăng cường giáo dục, hỗ trợ nhà ở, dịch vụ y tế, sức khỏe, giải trí và hỗ trợ việc làm, các cơ hội phát triển nghề nghiệp để có thu nhập ổn định.

Thứ hai, Cần cải thiện các trung tâm cộng đồng, công viên, sân chơi và các cơ sở hạ tầng vật chất nơi công cộng và chương trình khác nhằm tạo sân chơi năng động, khỏe mạnh cho các thành viên trong cộng đồng.

Thứ ba, Tăng cường kỹ năng giao tiếp, thiết lập quan hệ xã hội cho người dân.

Tiểu kết chương 4

Kết quả nghiên cứu của Chương 4 cho thấy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực tại Hà Giang phụ thuộc vào hiệu quả của việc triển khai luật pháp chính sách về phòng ngừa bạo lực do chính quyền thực hiện. Bởi nếu không có sự hỗ trợ của chính quyền thì vai trò của tổ chức trong cộng đồng khó phát huy. Theo đó, để tăng cường vai trò của cộng đồng cần có giải pháp đồng bộ nhằm xóa bỏ các nguyên nhân dẫn đến bạo lực và các rào cản khiến nạn nhân không trình báo cũng như chấp nhận bạo lực. Cần triển khai hiệu quả các biện pháp để phát huy vai trò xã hội hóa, vai trò xử lý, kiểm soát hành vi bạo lực; vai trò hỗ trợ, trợ giúp của cộng đồng dành cho nạn nhân nhằm phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ tái diễn bạo lực.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, Vai trò xã hội hóa: Có bằng chứng chỉ ra rằng với hỗ trợ của chính quyền địa phương thì các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác đã rất nỗ lực tuyên truyền nâng cao nhận thức củng cố thái độ và niềm tin về phòng ngừa bạo lực.

Thứ hai, Vai trò của cộng đồng trong kiểm soát các hành vi BLGD với phụ nữ. Ở Hà Giang, chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong tiếp nhận, xử lý bạo lực thông qua cung cấp dịch vụ tư pháp, hành pháp. Người dân thường nhắc đến vai trò các thiết chế hành pháp và tư pháp chính thống trong xử lý bạo lực. Nhưng các thiết chế này chỉ được sử dụng khi các vụ bạo lực bị coi là nghiêm trọng.

Tại cộng đồng, công tác tiếp nhận xử lý bạo lực được giao chủ yếu cho các tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải cộng đồng. Tuy nhiên, vai trò trong tiếp nhận và xử lý xung đột của các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản được chuyển giao phần lớn sang cho các cơ quan chức năng. Vì vậy, vai trò của thiết chế truyền thống trong xử lý bạo lực dường như khá mờ

nhật. Vai trò tiếp nhận và xử lý bạo lực của cộng đồng sẽ khó phát huy tác dụng nếu nó không được sự ủng hộ hay hỗ trợ của thiết chế chính thống.

Thứ ba, Vai trò của cộng đồng trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực. Kết quả cho thấy thành viên trong gia đình, cộng đồng làng xóm và các tổ chức đã có hoạt động trợ giúp nạn nhân.

Thứ tư, Vai trò cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, đã giúp nâng cao năng lực cho phụ nữ, nam giới để thay đổi, giảm thiểu các yếu tố có nguy cơ làm tăng bạo lực.

Thứ năm, Mặc dù cộng đồng, chính quyền địa phương đã nỗ lực triển khai phòng ngừa bạo lực, góp phần làm giảm các nguy cơ gây ra bạo lực tuy nhiên số liệu điều tra cho thấy tình trạng BLGD với phụ nữ vẫn diễn ra.

Thứ sáu, một trong lý do chính khiến bạo lực với phụ nữ DTTS ở Hà Giang còn diễn ra và nạn nhân ít lên tiếng là do các quan niệm, chuẩn mực hóa vẫn được duy trì và thực hành trong các gia đình. Bên cạnh đó, cộng đồng ở hai địa bàn khảo sát đều theo chế độ phụ hệ, -có nghĩa là trong gia đình con trai mang họ cha, cúng giỗ ông bà tổ tiên, coi trọng việc có con trai để nối dõi tông đường. Còn người phụ nữ thường chịu trách nhiệm chính về công việc chăm sóc các thành viên trong gia đình, chăm sóc trẻ nhỏ, người già, người ốm; họ là người thực hiện chính các công việc nội trợ. Vì vậy, trong cộng đồng vẫn tồn tại các quan điểm văn hóa gây bất lợi cho phòng ngừa BLGD đặc biệt với các hành vi bạo lực tình dục. Điều đó cũng cho thấy cộng đồng chưa phát huy hiệu quả vai trò xã hội hóa. Các tổ chức trong cộng đồng cũng chưa thực hiện tốt vai trò trong phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững. Vai trò của cộng đồng trong ngăn ngừa xử lý, trợ giúp nạn nhân hiện khá mờ nhạt và sẽ không hiệu quả nếu thiếu trợ giúp của các thiết chế tư pháp chính thống. Các hoạt động, dịch vụ đang được cộng đồng triển khai thường chú trọng vào phòng chống, tập trung xử lý khi bạo lực xảy ra, nên thiếu việc trợ giúp nạn nhân hòa nhập, hoặc ngăn chặn sự tái diễn của bạo lực, đặc biệt là bạo lực tái diễn theo vòng đời.

Thứ bảy, Để phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ ta phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau và được triển khai ở nhiều cấp độ với sự phối hợp và cộng tác của nhiều bên đặc biệt sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước. Để các thiết chế trong cộng đồng phát huy tốt vai trò của mình, các cơ quan quản lý nhà nước và bản thân các thiết chế trong cộng đồng từ gia đình, hàng xóm và các tổ chức chính trị xã hội, cần phối hợp với nhau và tích cực chủ động tham gia thúc đẩy các mối quan hệ hỗ trợ, giáo dục về các kỹ năng sống và giải quyết xung đột cho người dân ngay từ khi còn nhỏ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. ThS Hoàng Thị Thu Huyền, 2024, “Phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (Qua thực tế tỉnh Hà Giang)”; Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/phong-ngua-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-dan-toc-thieu-so-qua-thuc-te-tinh-ha-giang-6518.html>.
2. NCS Hoàng Thị Thu Huyền, 2024, “Phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-vai-tro-cua-cong-dong-trong-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-tai-viet-nam-6525.html>